

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1009/2018/HC-PT

Ngày 07-11-2018

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực thuế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán: Ông Lê Nam Hải

Ông Đào Hồng Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23, 31 tháng 10 và 07 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận
M, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý
số 23/2018/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2018 về “Khiếu kiện quyết định
hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 26 tháng 6 năm
2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4391/2018/QĐ-PT
ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phan Thị H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 54 phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc B.

(Giấy ủy quyền lập ngày 19/10/2018).

2. Người bị kiện:

Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phan Văn D.

Địa chỉ: 08, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy K.

Theo Giấy ủy quyền số 39588/GUQ-CCT ngày 21/6/2017.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 120/6A phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện là bà Phan Thị H trình bày trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và đại diện theo ủy quyền - ông Nguyễn Ngọc B trình bày:

Căn nhà số 54 đường Đinh Tiên Hoàng, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà 54 Đinh Tiên Hoàng) là di sản thừa kế do bà Phan Thị H đứng tên sở hữu hợp pháp.

Ngày 20/3/2006 bà H thỏa thuận hợp đồng thuê nhà sơ bộ cho Trường Ngoại ngữ Không Gian do ông Bùi Tiến H làm Hiệu trưởng và bà Phan Châu Hải Y được ông H ủy quyền đại diện ký kết để thuê nhà mở trường dạy học.

Nhưng sau khi ký kết hợp đồng sơ bộ và giao nhà cho thuê xong để đi Phòng công chứng Nhà nước Hợp đồng chính thức theo đúng quy định của pháp luật thì phía ông Bùi Tiến H đã đơn phương tự thay đổi người đại diện và các điều khoản đã thỏa thuận dẫn đến Hợp đồng thuê nhà nêu trên bị hủy bỏ.

Vì Hợp đồng thuê nhà sơ bộ bị hủy bỏ nên bà H yêu cầu lấy lại nhà ngay không cho Trường Ngoại ngữ Không Gian sử dụng nhà nữa. Đến đầu tháng 05/2006 phía ông H mới giao trả nhà cho bà H. Sau khi lấy lại nhà, bà H đã sửa chữa lại căn nhà số 54 Đinh Tiên Hoàng để ở và được Ủy ban nhân dân phường K xác nhận chấp thuận đơn xin sửa chữa nhà ngày 21/04/2006.

Ngày 25/10/2006, bà H cho ông Trần Chí Q thuê nhà 54 Đinh Tiên Hoàng theo Hợp đồng thuê nhà có Công chứng Nhà nước chứng nhận và nộp thuế đầy đủ và đúng quy định. Bà H không thiếu nợ thuế kỳ 2006, đã không lập tờ khai thuế vào tháng 05/2006 và đã nhiều năm qua bà H cũng không nhận được bất kỳ giấy thông báo thuế nào.

Ngày 12/12/2015 bà H rất bất ngờ khi nhận được thư mời số 145/TT-PGDCG.15 ngày 12/12/2015 của Ngân Hàng TMCP Sài Gòn-Q.T.K Cô Giang mời bà đến yêu cầu thực hiện quyết định hành chính số 7044/QĐ-CCT ngày 30/11/2015 và Lệnh thu ngân sách Nhà nước số 664 ngày 30/11/2015 của Chi Cục Thuế Quận M bằng biện pháp trích một số tiền trong tài khoản số: 0021100278480015 của bà H mở tại Ngân hàng TMCP/SGS-QTK Cô Giang để nộp vào tài khoản của Chi Cục Thuế Quận M.

Tại Quyết định cưỡng chế số 7044/QĐ-CCT ngày 30/11/2015 do ông Phan Văn D, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M đã bịa đặt vu khống cho bà H thiếu nợ tiền thuế của kỳ 2006 tổng cộng là 95.217.576 đồng gồm các khoản sau:

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp: Kỳ thuế năm 2006 là 54.040.896 đồng.
- + Thuế giá trị gia tăng: Kỳ thuế năm 2006 là 36.751.680 đồng.
- + Thuế môn bài: Kỳ thuế năm 2006 là 4.425.000 đồng.

Bà H rất bất bình và không đồng ý với quyết định cưỡng chế và Lệnh thu Ngân sách Nhà nước nói trên nên đã gửi đơn khiếu nại ngày 14/12/2015 và đơn

khiếu tố ngày 08/01/2016 về việc làm trái pháp luật xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà H, vì:

+ Bà H không thiếu nợ thuế của kỳ năm 2006. Trong suốt hơn 10 năm qua, bà H không nhận được văn bản thông báo gì về thuế. Điều này cho thấy việc Chi Cục Thuế Quận M lén ép quyết định cưỡng chế phong tỏa và trích tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-QTK Cô Giang của vợ chồng bà là vi phạm pháp luật.

+ Bà H có hộ khẩu thường trú tại 54 Đinh Tiên Hoàng, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2004 chuyển chỗ ở về tại 120/6A đường Trần Đình Xu, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh được sự xác nhận cư trú của Công an phường N, Quận M ngày 26/02/2004. Nhưng Chi cục Thuế Quận M đã không giao quyết định cưỡng chế thi hành quyết định số 7044/QĐ-CCT ngày 30/11/2015 và Lệnh thu Ngân sách Nhà nước số 664 ngày 30/11/2015 cho bà H thời hạn trước 05 ngày làm việc để thực hiện quyết định cưỡng chế là vi phạm pháp luật tại khoản 1 Điều 6 và điểm c Điều 11 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành quyết định cưỡng chế.

+ Chi cục Thuế Quận M đã nhiều lần với nhiều quyết định cưỡng chế hành chính để phong tỏa 14 tài khoản của bà H tại các Ngân hàng TMCP Sài Gòn - QTK Cô Giang và Ngân hàng Bản Việt là cố tình triệt tiêu nguồn thu nhập hợp pháp của công dân trái pháp luật.

+ Chi cục Thuế Quận M đã trích tiền từ những tài khoản của bà H tại các ngân hàng nêu trên nhưng không nộp vào ngân sách nhà nước mà lại chuyển sang gửi tại ngân hàng Vietinbank để thụ hưởng lãi suất nhằm trục lợi bất chính. Bởi tại khoản 2 Điều 97 của Luật quản lý thuế năm 2006 quy định: “Khi nhận được quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, Kho bạc nhà nước, Ngân hàng thương mại, Tổ chức tín dụng khác có trách nhiệm trích số tiền ghi trong quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và chuyển sang tài khoản ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước...”

Bà H cho rằng Chi cục Thuế Quận M ra Quyết Định số 0481/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/01/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà H (lần đầu) do ông Lê Duy M Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M ký ban hành chỉ căn cứ hợp đồng thuê nhà ngày 17/10/2002 là giả mạo, để bác bỏ những yêu cầu nội dung chính đáng hợp pháp của bà H tại đơn khiếu nại ngày 14/12/2015 và đơn khiếu nại ngày 08/01/2016 là cố tình bao che việc làm vi phạm pháp luật, là xâm hại quyền dân chủ và các quyền và lợi ích chính đáng khác của công dân. Từ trước, trong và sau năm 2002 gia đình bà H không cho thuê nhà và không ký hợp đồng cho thuê nhà cho trường Ngoại ngữ Không Gian thuê. Chi Cục Thuế Quận M cố ý giải thích sai mục đích yêu cầu nội dung bản thông báo đòi trả nhà từ ông Bùi Tiến H hiệu trưởng trường Ngoại ngữ Không Gian để làm căn cứ ra quyết định giải quyết khiếu nại số 0481/QĐ-CCT-KTBN nhằm chứng minh cho việc bà H thiếu nợ thuế kỳ 2006 là trái pháp luật. Ngoài ra, Chi cục Thuế Quận M gây khó

khẩn cho công dân khi bà khiếu nại việc làm vi phạm pháp luật của Chi cục Thuế Quận M.

Nay, bà H yêu cầu:

-Hủy bỏ các Quyết định trái pháp luật của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M, bao gồm:

- + Quyết định số 7044/QĐ-CCT ngày 30/11/2015.
- + Quyết định số 0481/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/01/2016.
- + Lệnh thu ngân sách nhà nước số 664 ngày 30/11/2015.
- + Các Quyết định số 0984/QĐCCT và 0985/QĐCCT ngày 02/03/2016.
- + Các Lệnh thu ngân sách nhà nước số 029 và 030 ngày 02/03/2016.

Buộc Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M bồi thường số tiền gốc và tiền lãi trong các khoản tiền gửi của bà H bị Chi cục Thuế Quận M quyết định cưỡng chế, phong tỏa và trích tiền nộp vào tài khoản Chi cục Thuế Quận M;

-Xin lỗi bằng văn bản vì việc cưỡng chế phong tỏa tài khoản chung của vợ chồng ông bà mà cá nhân chồng bà H là ông A không được biết.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - ông Nguyễn Hoa B và sau là ông Nguyễn Duy K trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Về nguyên nhân phát sinh số thuế bị cưỡng chế: Ngày 17/10/2002, ông Nguyễn Văn A và bà Phan Thị H đã lập hợp đồng cho Trường Ngoại ngữ Không Gian thuê căn nhà số 54 Đinh Tiên Hoàng, giá thuê là 700 Đô la Mỹ/tháng; thời hạn thuê nhà: 05 năm kể từ ngày 01/10/2002 đến 01/10/2007. Hợp đồng thuê này ông A và bà H không có thông báo đến Chi cục Thuế Quận M và không đăng ký, kê khai nộp thuế theo quy định.

Ngày 05/05/2006, ông A và bà H có gửi đến Chi cục Thuế Quận M đơn báo ngưng cho thuê nhà số 54 Đinh Tiên Hoàng, phường K, Quận M qua số công văn đến 17174 với nội dung: Từ ngày 01/04/2006 ông bà không còn quan hệ hợp đồng thuê và cho thuê nhà nêu trên với Trường Ngoại ngữ Không Gian.

Trước đó, vào tháng 04/2006, Ủy ban nhân dân phường K phát hiện hợp đồng cho thuê nhà số 54 Đinh Tiên Hoàng khi giải quyết tranh chấp giữa bên thuê và bên cho thuê và đã cung cấp lại cho Chi cục Thuế Quận M.

Ngày 05/05/2006, Chi cục Thuế Quận M đã mời bà H đến làm việc và ghi nhận có phát sinh doanh thu cho thuê nhà từ tháng 10/2002 đến tháng 03/2006, giá cho thuê: 700 Đô la Mỹ/tháng, tính theo tỷ giá ngày 05/05/2006 là 15.980 đồng/Đô la Mỹ.

Ngày 18/5/2006, Chi cục Thuế Quận M đã tính thuế đối với khoản thu cho thuê nhà nêu trên (từ tháng 10/2002 đến hết tháng 03/2006) với số thuế chi tiết như sau:

- + Thuế Giá trị gia tăng (GTGT): 37.584.960 đồng.
- + Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN): 55.303.584 đồng.
- + Thuế môn bài: 4.425.000 đồng.

Tổng cộng số thuế GTGT + TNDN phải nộp : 92.888.544 đồng và đã được Chi cục Thuế lập bộ thuế vào kỳ tháng 05/2006 (tháng hiện hành).

Ngày 06/07/2006, do không đồng ý với số thuế phải nộp, ông A và bà H đã có đơn khiếu nại gửi đến Chi cục Thuế Quận M qua số công văn đến 26611 với các đề nghị xem xét giải quyết các việc sau:

- + Miễn giảm thuế theo chính sách.
- + Xem lại cách tính thuế cho thuê nhà vì không đúng tỷ giá hối đoái.
- + Cho phép được nộp nhiều lần khoản thuế phải nộp (đề nghị được nộp 7.000.000 đồng/tháng, sẽ nộp nhiều hơn khi cho thuê nhà lại được).

Ngày 19/7/2006, Chi cục Thuế Quận M đã tính lại số thuế phải nộp (do áp dụng lại tỷ giá theo từng kỳ thu tiền của ông A và bà H theo quy định của hợp đồng thuê ngày 17/10/2002). Số thuế phải nộp chi tiết như sau:

- + Thuế Giá trị gia tăng: 36.814.512 đồng.
- + Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 54.134.026 đồng.
- + Thuế môn bài: 4.425.000 đồng.

Tổng cộng thuế phải nộp: 95.373.538 đồng.

Về việc thụ lý và giải quyết đơn khiếu nại ngày 06/07/2006 cụ thể như sau:

Ngày 26/07/2006, ngày 15/08/2006 Chi cục Thuế Quận M đã lập 03 B bản làm việc đối với ông A và bà H, qua đó thống nhất tính lại tỷ giá hối đoái đối với khoản doanh thu cho thuê nhà từ tháng 10/2002 đến tháng 03/2006 theo yêu cầu của ông A, bà H tại Đơn khiếu nại ngày 06/07/2006.

Ngày 23/08/2006 Chi cục Thuế Quận M ban hành Quyết định số 1516/QĐ-CCT-TTKT về việc giải quyết khiếu nại của ông A và bà H. Tại Điều 2, số thuế còn phải nộp là 95.217.576 đồng bao gồm:

- + Thuế GTGT từ 01/10/2002 đến 31/03/2006: 36.751.680 đồng.
- + Thuế TNDN từ 01/10/2002 đến 31/03/2006: 54.040.896 đồng
- + Thuế môn bài từ năm 2002 đến năm 2006: 4.425.000 đồng.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận Quyết định giải quyết khiếu nại, ông A và bà H đã không có khiếu nại tiếp theo quy định tại Luật Khiếu nại tố cáo.

Do ông A và bà H đã không hoàn thành nghĩa vụ với số thuế phát sinh từ tháng 10/2002 đến tháng 03/2006 nêu trên với hạn nộp là 31/05/2006, ngày 30/11/2015 Chi cục Thuế Quận M đã ban hành Quyết định số 7044/QĐ-CCT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng.

Ngày 14/12/2015, bà H có đơn khiếu nại theo công văn đến số 17259 ngày 16/12/2015 đề nghị Chi cục Thuế Quận M và Cục thuế TP. Hồ Chí Minh xem xét hủy bỏ Quyết định cưỡng chế hành chính thuế số 7044/QĐ-CCT ngày 30/11/2015 vì bà không có nợ thuế.

Ngày 29/01/2016, Chi cục Thuế Quận M đã ban hành Quyết định số 0481/QĐ-CCT-KTNB không công nhận nội dung đơn khiếu nại lập ngày 14/12/2015.

Về yêu cầu của người khởi kiện:

+ Bà H cho rằng Chi cục Thuế Quận M vi phạm dẫn hợp đồng thuê nhà ngày 17/10/2002 do giả mạo để quy chụp bà H thiếu nợ thuế của kỳ năm 2006 là không có căn cứ và trái pháp luật, vì ông A và bà H đã lập hợp đồng ngày 17/10/2002 cho Trường Ngoại ngữ Không Gian thuê lại căn nhà số 54 Đinh Tiên Hoàng, giá thuê là 700 Đô la Mỹ/tháng là có thật mặc dù không có công chứng hợp đồng. Sự việc này đã được ông A, bà H thừa nhận thông qua đơn xin miễn giảm thuế gửi đến Chi cục Thuế Quận M số công văn đến 25747 ngày 30/06/2006 và đơn khiếu nại qua số công văn đến 26611 ngày 06/07/2016. Nếu Chi cục Thuế không được UBND phường K cung cấp hợp đồng cho thuê nhà vào tháng 04/2006 thì xem như ông A và bà H đã có cơ hội không nộp thuế toàn bộ khoản thu nhập đã nhận được. Tháng 05/2006, Chi cục Thuế Quận M tiến hành xác định nghĩa vụ thuế phải nộp của bà H, theo quy định thì phải được lập vào bộ thuế của tháng hiện hành. Vì thế số thuế phát sinh phải nộp kỳ tháng 5/2006 là số thuế của thời điểm từ tháng 10/2002 đến tháng 03/2006.

Căn cứ tính thuế được quy định theo các quy định tại văn bản pháp quy như sau:

a/ Điều 7 Luật thuế Giá trị gia tăng năm 1997: "*Giá tính thuế... 4- Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền thuê thu từng kỳ...*"

b/ Điều 6 Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 1997: "*Thu nhập chịu thuế*

Thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thu nhập khác, kể cả thu nhập thu được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở nước ngoài."

c/ Điều 8 Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 1997: "*Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, kể cả trợ giá.*

Trong trường hợp có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu ngoại tệ."

+ Bà H viện dẫn tại điểm c, khoản 1 Điều 32 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 hướng dẫn Luật quản lý thuế và Luật quản lý thuế sửa đổi: "*...khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã quá 10 (mười năm) kể từ ngày hết hạn nộp thuế thì được xóa...*", Chi cục Thuế Quận M sử dụng hợp đồng thuê nhà ngày 17/10/2002 giả mạo, không có giá trị pháp lý cách nay có thời hạn là 14 (mười bốn) năm nhằm quy chụp oan sai rằng Bà H thiếu nợ thuế của kỳ năm 2006 là trái pháp luật.

Ý kiến của Chi cục Thuế: Bà H rõ ràng đã có mâu thuẫn trong lời khai, điều 1 thì nói không có nợ thuế, điều 2 thì nêu nợ thuế quá 10 năm sẽ được xóa. Đề

ngihtòa xem xét lại về sự không nhất quán trong đơn khởi kiện với mục đích nhằm vu khống Chi cục Thuế Quận M thực hiện sai pháp luật.

Ngoài ra, tại đơn khiếu nại gửi đến Chi cục Thuế Quận M ngày 06/7/2006 qua số công văn đến 26611, bà H đã thừa nhận có nhận tiền thuê nhà vào mỗi đầu kỳ 6 tháng với số tiền đồng Việt Nam tương đương với 700 Đô la Mỹ/tháng, đề nghị Chi cục Thuế Quận M miễn giảm thuế, cho phép nộp nhiều lần đối với khoản thuế phải nộp. Mặt khác, số tiền thuế phải nộp của bà H có hạn nộp là 31/05/2006, từ thời điểm này đến ngày 30/11/2015 Chi cục Thuế Quận M chưa áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định.

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 32 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 hướng dẫn Luật quản lý thuế và Luật quản lý thuế sửa đổi: "*Các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không thuộc trường hợp nêu tại các điểm a, b khoản 1 Điều này, đáp ứng đủ các điều kiện sau:*

- *Khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế;*

- *Cơ quan quản lý thuế đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định nhưng không thu đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt."* thì Bà H không đủ điều kiện đáp ứng.

+ Bà H yêu cầu hủy bỏ các Quyết định cưỡng chế số 0744/QĐ-CCT ngày 30/11/2015, Lệnh thu ngân sách Nhà nước số 664 ngày 30/11/2015, Quyết định số 0481/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/01/2016 về giải quyết khiếu nại của Bà Phan Thị H (lần đầu), Quyết định cưỡng chế số 0984/QĐ-CCT và số 0985/QĐ-CCT ngày 02/03/2016, Lệnh thu ngân sách Nhà nước số 029 và 030 ngày 02/03/2016, buộc Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M có trách nhiệm bảo đảm các quyền và lợi ích đối với số tiền gốc và lãi trong các tài khoản gửi tại Ngân hàng Bản Việt, Ngân hàng TMCP Sài Gòn đã bị xâm hại pháp luật:

Căn cứ Điều 92 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11, Điều 25 Luật quản lý thuế sửa đổi 2012 số 21/2012/QH13: "*Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế*

1. Người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế đã quá chín mươi ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, nộp tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định..."

Căn cứ Điều 93 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11, Điều 26 Luật quản lý thuế sửa đổi 2012 số 21/2012/QH13: "*Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.*

1. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bao gồm:

a) Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; yêu cầu phong tỏa tài khoản;..."

Căn cứ Điều 45 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11, khoản 12 Điều 1 Luật quản lý thuế sửa đổi 2012 số 21/2012/QH13: Điều 45 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 45. Thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt

Trường hợp người nộp thuế vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền chậm nộp, tiền phạt thì việc thanh toán được thực hiện theo thứ tự sau đây:

1. Đối với các loại thuế do cơ quan thuế quản lý:

- a) Tiền thuế nợ;*
- b) Tiền thuế truy thu;*
- c) Tiền chậm nộp;*
- d) Tiền thuế phát sinh;*
- đ) Tiền phạt;...”*

Chi cục Thuế Quận M đã ban hành các Quyết định cưỡng chế vừa qua là đúng theo pháp luật quy định. Ngoài ra các Quyết định trên chỉ mới thu hồi tiền thuế nợ và chưa thu hồi tiền chậm nộp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A trình bày:*

Thống nhất với ý kiến, yêu cầu trình bày của bà H. Việc Chi cục thuế Quận M cưỡng chế, phong tỏa các tài khoản đứng tên bà H trong ngân hàng đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông vì đó là tài sản chung vợ chồng ông. Chi cục Thuế Quận M khi phong tỏa cũng không thông báo cho ông biết. Số tiền bị cưỡng chế là 95.217.576 đồng nhưng Chi cục thuế đã phong tỏa đến 14 tài khoản của vợ chồng ông tại các ngân hàng khác nhau, làm cho vợ chồng ông không thể giao dịch được. Vợ chồng ông cũng không hề ký hợp đồng cho Trường ngoại ngữ Không Gian thuê vào năm 2002 nên Chi cục thuế thu tiền thuế đối với hợp đồng thuê nhà này là không đúng vì hợp đồng thuê nhà năm 2002 không có thật. Do vậy, ông yêu cầu như yêu cầu của bà H:

Hủy bỏ các Quyết định trái pháp luật của Chi cục Thuế Quận M, bao gồm:

- + Quyết định số 7044/QĐ-CCT ngày 30/11/2015.
- + Lệnh thu ngân sách nhà nước số 664 ngày 30/11/2015.
- + Quyết định số 0481/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/01/2016.
- + Các Quyết định số 0984/QĐCCT, Quyết định số 0985/QĐCCT ngày 02/03/2016.
- + Các Lệnh thu ngân sách nhà nước số 029 và 030 ngày 02/03/2016.

Buộc Chi cục Thuế Quận M bồi thường số tiền gốc và tiền lãi trong các khoản tiền gửi của bà H bị Chi cục Thuế Quận M quyết định cưỡng chế, phong tỏa và trích tiền nộp vào tài khoản Chi cục Thuế Quận M;

Xin lỗi bằng văn bản vì việc cưỡng chế phong tỏa tài khoản chung của vợ chồng ông bà mà cá nhân ông không được biết.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn A về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 7044/QĐ-CCT ngày 30/11/2015, Quyết định hành chính số 0481/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/01/2016, Quyết định hành chính số 0984/QĐCCT, Quyết định hành chính số 0985/QĐCCT ngày 02/03/2016, Lệnh thu ngân sách nhà nước số 664 ngày 30/11/2015, Lệnh thu ngân sách nhà nước số 029 và Lệnh thu ngân sách nhà nước 030 ngày 02/03/2016 của Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bác yêu cầu đòi bồi thường số tiền gốc và tiền lãi trong các khoản tiền gửi của bà H bị Chi cục Thuế Quận M quyết định cưỡng chế, phong tỏa và trích tiền nộp vào tài khoản Chi cục Thuế Quận M; xin lỗi công khai vì đã ra quyết định cưỡng chế thuế sai, cưỡng chế tài khoản tại Ngân hàng của hai vợ chồng ông bà Nguyễn Văn A, bà Phan Thị H mà không thông báo đối với Chi cục thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/6/2018 ông A nộp đơn kháng cáo, đến ngày 03/7/2018 bà H nộp đơn kháng cáo, ông A và bà H cùng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018, yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Đồng thời xác định Tòa án nhân dân Quận M đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, trong trường hợp Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận sửa án thì đề nghị hủy án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Thị H có ông Nguyễn Ngọc B đại diện và ông Nguyễn Văn A cùng trình bày:

-Các Thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp số 20136281/TB07-CCT ngày 13/2/2014, 20145078/TB07-CCT ngày 10/4/2014, 20148492/TB07-CCT ngày 07/5/2014 của Chi cục thuế Quận M gửi chủ nhà 54 Đinh Tiên Hoàng là bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn A xác định ông A, bà H chỉ nợ tiền thuế do kinh doanh cho thuê nhà là 9.104.669 đồng, hoàn toàn không thiếu nợ thuế kỳ năm 2006 với số tiền là 95.217.576 đồng. Thực tế bà H không nợ kỳ thuế năm 2006.

-Tất cả các tài liệu cơ quan thuế đưa ra là giả mạo.

-Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2008/DS-ST ngày 29/9/2008 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự phúc thẩm số 554/2009/DS-PT ngày 03/4/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử về việc tranh chấp hợp đồng thuê nhà giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A, bà Phan Thị H và bị đơn là Trường Ngoại ngữ Không Gian được sử dụng làm chứng cứ khi xét xử do Tòa án tự thu thập nhưng chưa được công khai, đối thoại để làm rõ, xác nhận sự thật là vi phạm pháp luật.

-Tháng 4/2000, bà H đã chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà với Trường ngoại ngữ Không Gian, từ năm 2000 đến tháng 3/2006, nhà để trống, tuy nhiên

vẫn cho trường ngoại ngữ Không Gian treo nhờ bảng hiệu và gửi các tài sản khác tại nhà 54 Đinh Tiên Hoàng mà không tính phí, không tính tiền thuê nhà.

-Theo Bản thanh lý hợp đồng thuê nhà số 54 Đinh Tiên Hoàng ngày 15/3/2000 giữa bà H và trường ngoại ngữ Không Gian, đơn xin xác nhận cư trú của bà H (được công an phường K xác nhận), có cơ sở xác nhận định từ tháng 4/2000 bà H đã lấy lại nhà và cư trú tại địa chỉ 54 Đinh Tiên Hoàng đến tháng 2/2004. Do vậy không thể có việc cho thuê nhà như cơ quan thuế xác định.

-Tiền gửi trong Ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng do bà H đại diện đứng tên trên tài khoản tại ngân hàng, Chi cục thuế Quận M xác định cá nhân bà H nợ thuế nhưng lại cưỡng chế tài sản chung của vợ chồng là sai. Hơn nữa, sau khi cưỡng chế số tiền 95.217.576 đồng không chuyển vào Kho bạc mà lại chuyển vào Vietinbank CN Thành phố Hồ Chí Minh là vi phạm pháp luật.

-Tòa án nhân dân Quận M vi phạm qui định pháp luật tố tụng về thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án.

Đại diện người bị kiện là ông Nguyễn Duy K trình bày:

Việc bà H cho thuê nhà 54 Đinh Tiên Hoàng phường K và nợ thuế là sự thật, việc ban hành các quyết định cưỡng chế về thuế và Lệnh thu ngân sách nhà nước là đúng qui định pháp luật. Việc Chi cục thuế Quận M mở tài khoản chuyên thu tại Vietinbank để khách hàng thuận tiện nộp thuế, sau đó chuyển về Kho bạc là không trái pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản thuế phải nộp là 95.217.576 đồng, hồ sơ giải quyết khiếu nại của bà H, ông A năm 2006: Các tài liệu được lập năm 2006 hiện chỉ còn bản sao, bản chính các tài liệu này phần bị thất lạc, phần đã được tiêu hủy do quá lâu, do di chuyển trụ sở, không thể cung cấp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng hành chính trong qua trình giải quyết và xét xử phúc thẩm vụ án hành chính.

Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của đương sự, hủy bản án sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 26/6/2018 do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn A nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều

206 và Điều 209 Luật Tổ tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Quan hệ pháp luật và tư cách tổ tụng, thời hiệu khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà H, kháng cáo của bà H, ông A:

Yêu cầu khởi kiện của bà H:

-Hủy bỏ các Quyết định trái pháp luật của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M, bao gồm:

+ Quyết định số 7044/QĐ-CCT ngày 30/11/2015.

+ Quyết định số 0481/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/01/2016.

+ Lệnh thu ngân sách nhà nước số 664 ngày 30/11/2015.

+ Các Quyết định số 0984/QĐCCT và 0985/QĐCCT ngày 02/03/2016.

+ Các Lệnh thu ngân sách nhà nước số 029 và 030 ngày 02/03/2016.

- Buộc Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M bồi thường số tiền gốc và tiền lãi trong các khoản tiền gửi của bà H bị Chi cục Thuế Quận M quyết định cưỡng chế, phong tỏa và trích tiền nộp vào tài khoản Chi cục Thuế Quận M;

-Xin lỗi bằng văn bản vì việc cưỡng chế phong tỏa tài khoản chung của vợ chồng ông bà mà cá nhân chồng bà H là ông A không được biết.

Yêu cầu kháng cáo: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H hoặc hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3].Xét kháng cáo của bà H, ông A:

[3.1].Về việc thụ lý vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm:

Căn cứ đơn khởi kiện vụ án hành chính ghi ngày 22/2/2016 (bút lục 69-70) của bà H, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án theo Thông báo thụ lý vụ án số 251/2016/GB-TA ngày 11/3/2016.

Sau đó, bà H có đơn khởi kiện vụ án hành chính (bổ sung) ghi ngày 29/3/2016 (bút lục 65-66) và đơn khởi kiện vụ án hành chính (bổ sung) không ngày, tháng 4/2016 (bút lục 67-68) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo thụ lý bổ sung các yêu cầu khởi kiện của bà H vào ngày 07/9/2017 là có vi phạm về thời hạn thụ lý, vi phạm thủ tục tố tụng.

[3.2].Về chứng cứ

Tại khoản 1, Điều 82 Luật tố tụng hành chính qui định:

“Tài liệu đọc được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.”

Tại khoản 3, Điều 98 Luật tố tụng hành chính qui định:

“Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ thì Tòa án phải thông báo cho đương sự biết để họ thực hiện quyền tiếp cận tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều này.”

[3.2.1].Tài liệu, chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm tự thu thập:

-Bản án dân sự sơ thẩm số 36/DS-ST ngày 29/9/2008 của Tòa án nhân dân Quận 1;

-Bản án dân sự phúc thẩm số 554/DS-PT ngày 03/4/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai bản án trên được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập vào ngày 07/3/2017 và Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng làm chứng cứ chứng minh để xác định vào ngày 17/10/2002 ông A và bà H có ký hợp đồng cho Trường ngoại ngữ Không Gian thuê căn nhà số 54 Đinh Tiên Hoàng, giá thuê 700 Đô la Mỹ/tháng, thời hạn thuê là từ 01/10/2002 đến 01/10/2007 và hai bên đã chấm dứt hợp đồng thuê nhà từ 01/4/2006. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành công khai cho các bên đương sự biết về các chứng cứ này trước khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thủ tục tố tụng.

[3.2.2]. Các tài liệu, chứng cứ do Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M cung cấp:

Tiểu mục 1.3.2.1, phần Nhận định của Bản án sơ thẩm số 11/2018/HC-ST có nêu: *“Các tài liệu liên quan do Chi cục Thuế phát hành trong quá trình giải quyết về việc truy thu thuế, giải quyết khiếu nại đối với bà H là các văn bản có sao y bản chính theo quy định của pháp luật nên có giá trị chứng minh.”*

Xét thấy:

-Biên bản giao nộp chứng cứ lập không ghi ngày, tháng, năm 2016 (bút lục 14), thể hiện Tòa án nhân dân Quận M có nhận của ông Nguyễn Hoa B-đại diện Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M bản sao 14 tài liệu, trong đó có: *“5.Đơn xin miễn giảm thuế gửi Chi cục thuế Quận M qua số công văn đến 25747 ngày 30/6/2006; 6.Đơn khiếu nại gửi Chi cục thuế Quận M qua số công văn đến 26611 ngày 06/7/2006; 7.Quyết định số 1516/QĐ-CCT-TTKT ngày 23/8/2006 về việc giải quyết khiếu nại của ông(bà) Nguyễn Văn A và Phan Thị H.”*

-B bản giao nộp chứng cứ lập không ghi ngày, tháng, năm 2017 (bút lục 170), thể hiện Tòa án nhân dân Quận M có nhận của ông Nguyễn Duy K-đại diện Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M bản sao 08 tài liệu, trong đó có: *“6.B bản làm việc ngày ngày 26/7/2006 giữa ông (bà) Nguyễn Văn A và Phan Thị H với Chi cục thuế Quận M; 7.Hai (02) B bản làm việc ngày 15/8/2006 giữa ông (bà) Nguyễn Văn A và Phan Thị H với Chi cục thuế Quận M”.*

Các chứng cứ trên được sử dụng để chứng minh sự tồn tại khách quan của quan hệ cho thuê nhà số 54 Đinh Tiên Hoàng, thời gian cho thuê nhà, thu nhập từ việc cho thuê nhà...

Tuy nhiên, các tài liệu trên đều không phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Hoặc đã được Thẩm phán xác nhận đã đối chiếu với bản chính.

Bà H có ông B làm đại diện hợp pháp và ông A đều xác định các tài liệu trên là giả mạo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu người bị kiện cung cấp bản chính tài liệu để xem xét, kiểm tra tính trung thực của tài liệu, chứng cứ tạo điều kiện cho các bên tranh tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Duy K-đại diện theo ủy quyền của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M xác định tại thời điểm nộp tài liệu cơ quan thuế có xuất trình bản chính cho Tòa án cấp sơ thẩm kiểm tra, có lưu giữ bản chính tài liệu nhưng nay tài liệu đã thất lạc nên không có bản chính để chứng minh.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để phía người bị kiện cung cấp bản chính tài liệu hoặc chứng minh các tài liệu trên là có thật nhưng hết thời gian tạm ngừng phiên tòa, phía người bị kiện cũng không cung cấp được bản chính tài liệu, không đưa ra được chứng cứ chứng minh các tài liệu trên là có thật. Tái xác nhận các tài liệu, chứng cứ đã thất lạc, không thể cung cấp bản chính.

[3.2.3.]. Từ phân tích trên, có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi thu thập chứng cứ, quá trình tranh tụng, đánh giá chứng cứ.

[3.2.4.]. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ về số thuế bà H phải nộp là 95.217.576 đồng (bao gồm: thuế GTGT từ 01/10/2002 đến 31/03/2006: 36.751.680 đồng, thuế TNDN từ 01/10/2002 đến 31/03/2006: 54.040.896 đồng, thuế môn bài từ năm 2002 đến năm 2006: 4.425.000 đồng) đã được tính đúng theo quy định của pháp luật về thuế chưa, bà H đã biết về khoản thuế phải nộp hay chưa, để từ đó mới có cơ sở xem xét tính hợp pháp, có căn cứ của các quyết định hành chính bị khởi kiện.

[4]. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần hủy bản án sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 26/6/2018 để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. Về nội dung: Do hủy án nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung.

[6]. Kháng cáo của bà H và ông A là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8]. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà H, ông A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 29, khoản 3 Điều 241 và Điều 242 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H có ông Nguyễn Ngọc B đại diện

và kháng cáo của ông Nguyễn Văn A.

1. Hủy bản án sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thẩm quyền.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà H, ông A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo B lai thu số AA/2017/0023313 ngày 23/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho ông A số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo B lai thu số AA/2017/0023314 ngày 23/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận M, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên